

Số: 222/2020/QĐST-HNGĐ

Bắc Giang, ngày 15 tháng 9 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

Căn cứ vào khoản 4 Điều 397, Điều 212, Điều 213 và Điều 149 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 335/2020/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 9 năm 2020 về việc “ Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Tạ Thị T, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thôn C, xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

- Anh Lò Văn T, sinh năm 1994

HKTT: Thôn C, xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Địa chỉ liên hệ: Thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Tạ Thị T và anh Lò Văn T đăng ký kết hôn ngày 31/01/2018 tại UBND xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Tại thời điểm kết hôn, hai bên có đủ điều kiện kết hôn, việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được tự do tìm hiểu và đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp. Chị T, anh T chung sống hạnh phúc đến tháng 3 năm 2019 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không hòa hợp trong cuộc sống, từ đó dẫn đến việc thường xuyên xung đột và cãi vã. Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 07/9/2020, Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng Chị T và anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy việc thuận tình ly hôn giữa Chị T và anh T là tự nguyện, phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được công nhận.

[2] Về con chung: Chị T và anh T đều xác định có 01 con chung là Lò Tú Anh-sinh ngày 07/7/2018. Sau khi ly hôn, Chị T và anh T thỏa thuận để Chị T trực

tiếp nuôi dưỡng con chung. Việc cấp dưỡng nuôi con chung Chị T và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy, thỏa thuận về việc nuôi con chung sau ly hôn của Chị T và anh T là tự nguyện, phù hợp với Điều 81,82 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được công nhận.

[3] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị T và anh T đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Chị T và anh T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật nên mỗi người phải chịu 150.000 đồng tiền lệ phí Tòa án là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ vợ chồng:* Chị Tạ Thị T và anh Lò Văn T thuận tình ly hôn.
- *Về con chung:* Chị Tạ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lò Tú A-sinh ngày 07/7/2018. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị T và anh T mỗi người chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí Tòa án nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số AA/2018/0001485 ngày 01/09/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận Chị T và anh T đã thi hành xong lệ phí Tòa án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Chi Cục THADS TP B;
- VKSNDTP B;
- UBND xã Đ, TP B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Phương Thảo